FireAnt

CTCP Cấp nước Đồng Nai (UPCOM: DNW)

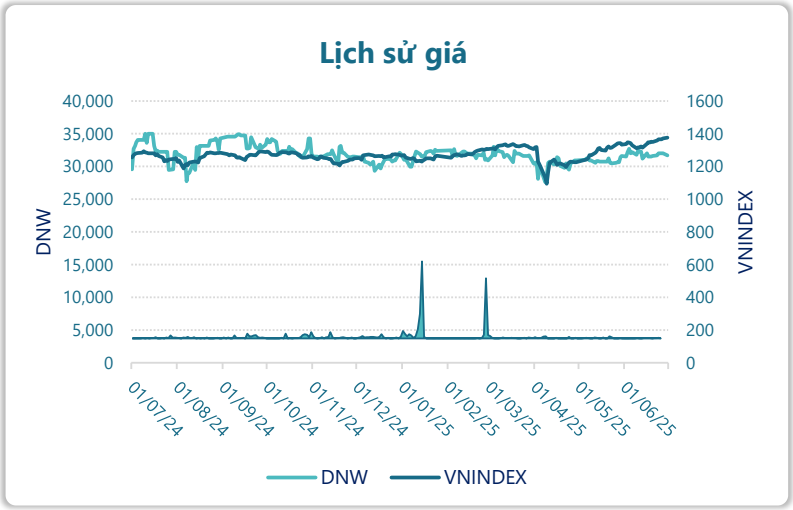

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**31,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,998
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,607
SL cổ phiếu LH	120,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,265
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,804
P/E	15.1
EPS	2,103

DT thuần

Q2/25

342

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 28.0| 8.9%

YoY: ▲ 5.00| 1.5%

LN sau thuế

Q2/25

37.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼48.0| -56.4%

YoY: ▼89.8| -70.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

14.2%

+/- YoY: ▼ 30.4%

DT thuần

6T 2025

656

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.00| 1.4%

LN sau thuế

6T 2025

122

tỷ VNĐ

YoY: ▼81.0| -39.8%

ROE

Q2/25

10.5%

+/- YoY: ▼ 3.4%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

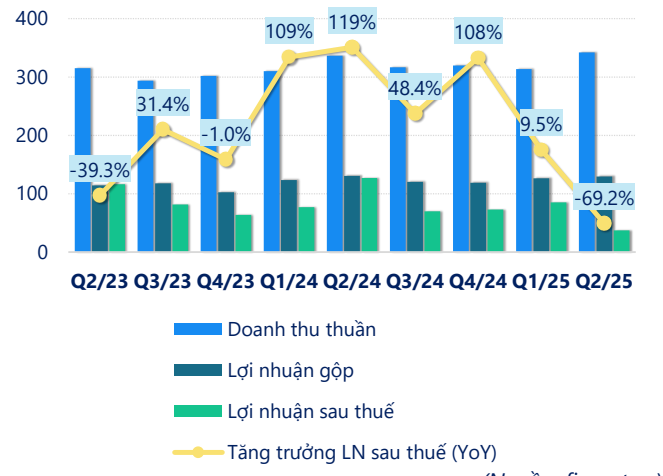

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

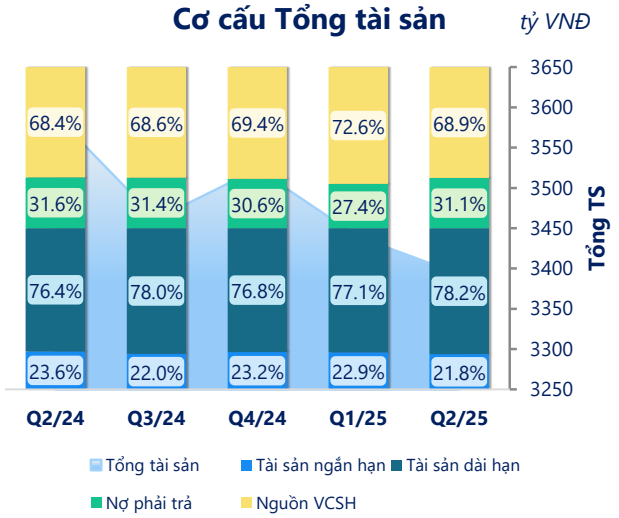

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

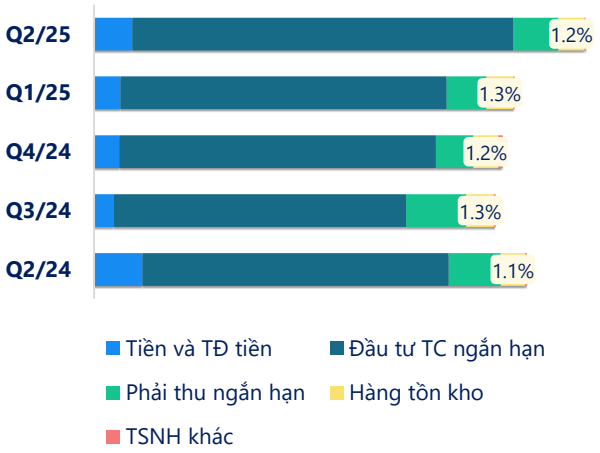

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

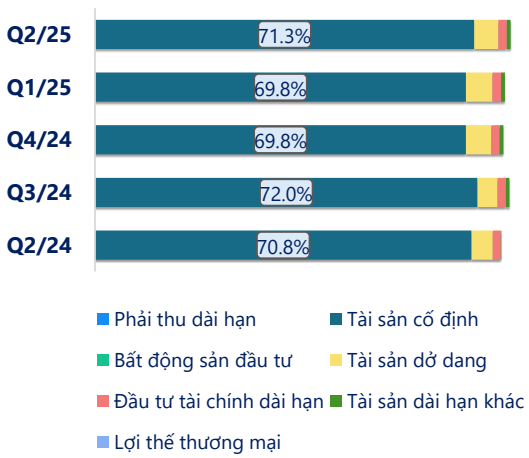

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

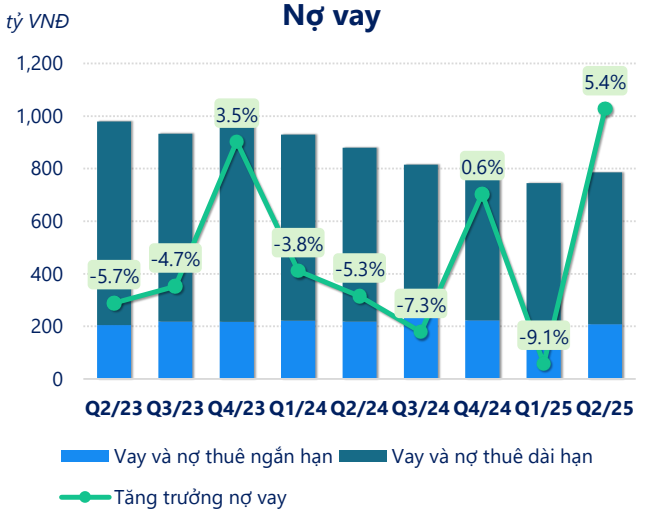

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

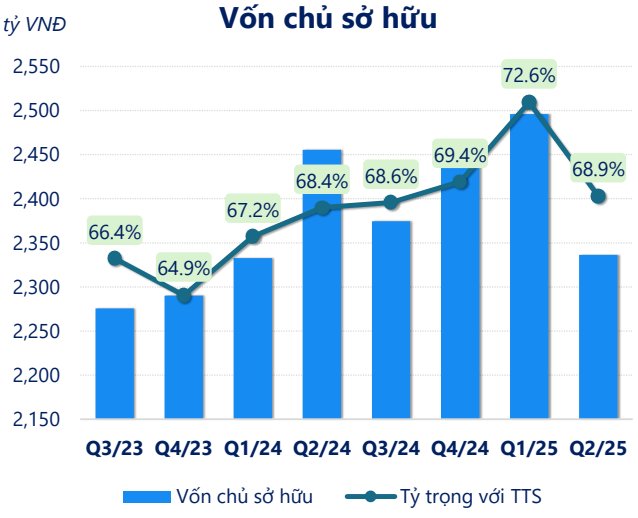

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

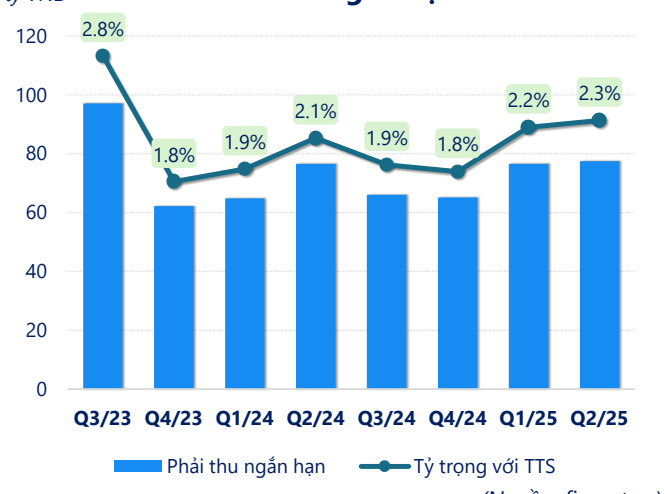

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

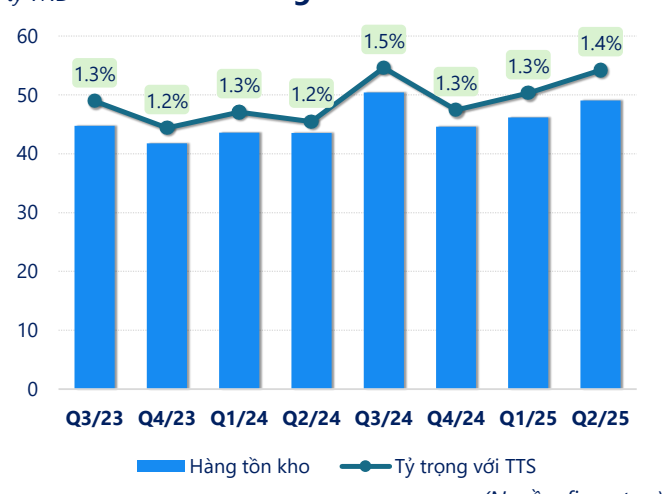

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

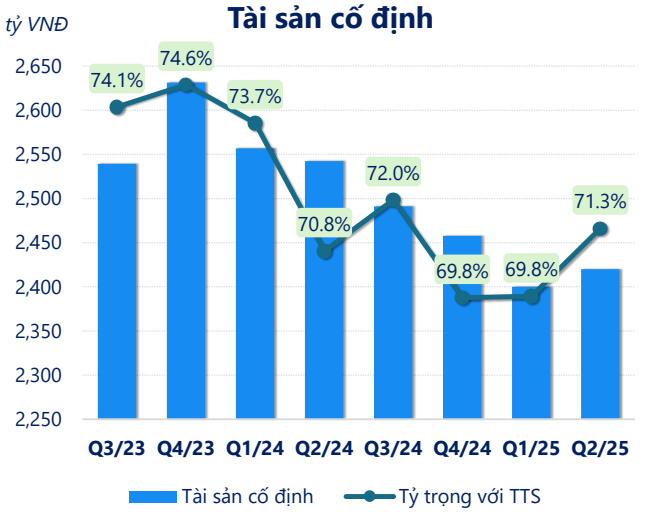

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

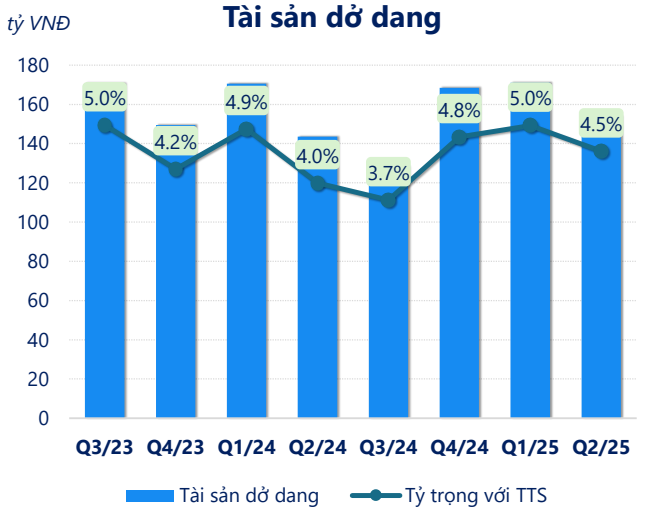

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

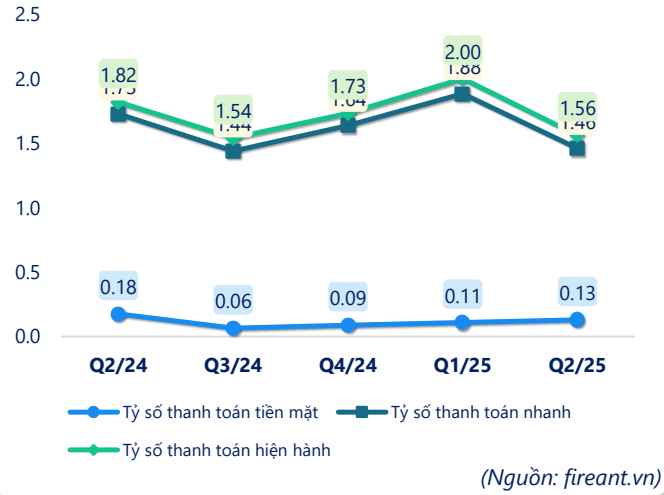

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

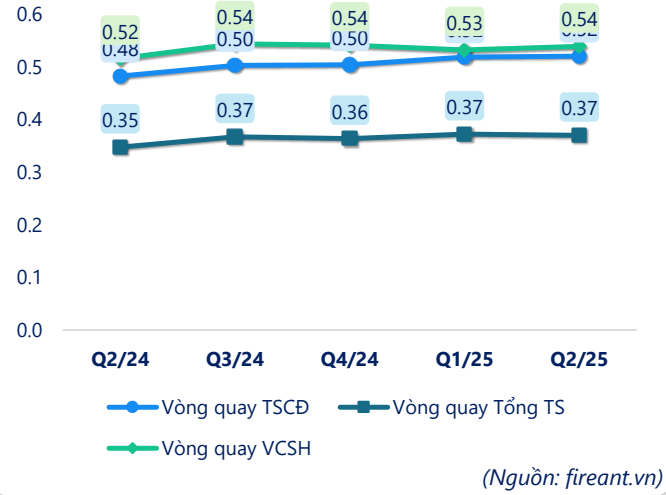

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**3,590**	**3,461**	**3,524**	**3,439**	**3,393**
Tài sản ngắn hạn	**846**	**763**	**817**	**788**	**740**
Tiền và tương đương tiền	81.5	32.2	41.8	42.8	61.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	643	613	664	622	552
Phải thu ngắn hạn	76.6	66.0	65.1	76.5	77.5
Hàng tồn kho	43.5	50.4	44.6	46.1	49.1
Tài sản ngắn hạn khác	2.04	1.41	1.74	0.81	0.33
Tài sản dài hạn	**2,744**	**2,698**	**2,706**	**2,651**	**2,653**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	2,542	2,491	2,458	2,400	2,420
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	144	128	168	171	154
Đầu tư tài chính dài hạn	53.7	54.5	54.9	54.8	52.8
Tài sản dài hạn khác	4.33	24.1	24.9	24.8	26.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,135**	**1,087**	**1,077**	**943**	**1,057**
Nợ ngắn hạn	**465**	**495**	**472**	**394**	**474**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	218	232	222	202	209
Phải trả người bán ngắn hạn	57.6	58.5	60.6	47.6	49.5
Nợ dài hạn	670	592	605	549	583
Vay và nợ thuê dài hạn	662	584	598	543	577
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,455**	**2,374**	**2,446**	**2,496**	**2,336**
Vốn chủ sở hữu	**2,455**	**2,374**	**2,446**	**2,496**	**2,336**
Vốn điều lệ	1,200	1,200	1,200	1,200	1,200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)